

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 28 - 11 - 2018

V/v: “Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình
Bà Lê Thị Minh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Xuân Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số 33/2018/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số 69/2018/HN-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân quận K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 223/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: phường C, quận K, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Mai Văn N – Văn phòng luật sư B - Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Huỳnh Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Văn T được mai mối rồi tìm hiểu khoảng 05 tháng thì tiến đến hôn nhân, chung sống từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Cư, quận K, thành phố Cần Thơ ngày 31/2/2003. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T có quan hệ tình cảm với người khác, dẫn đến vợ chồng cự

cãi, ngoài ra có mâu thuẫn với gia đình chồng và thời gian kéo dài. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Sau nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả, nay bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Văn P (Giới tính: Nam), sinh ngày 09/8/2003 và Huỳnh Văn Q (Giới tính: Nam), sinh ngày 30/12/2011. Từ khi ly thân đến nay bà đang nuôi dưỡng cháu Q, ông T nuôi dưỡng cháu P. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông thống nhất thời gian tìm hiểu và tiến tới hôn nhân như bà L trình bày. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà L có quan hệ tình cảm với người khác dẫn đến mâu thuẫn. Việc bà L trình bày ông có tình cảm với người khác là không đúng. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất có 02 con chung như bà L trình bày. Từ khi ly thân, ông nuôi dưỡng cháu P, bà L nuôi dưỡng cháu Q. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng có tài sản chung gồm: 01 chiếc xe Airblack do vợ chồng ông mua năm 2016 nhưng chưa sang tên, khi ly thân, bà L là người quản lý tài sản này; 01 cây vàng 18k (gồm: 01 bộ vòng (không xác định được bao nhiêu chỉ), 02 chiếc nhẫn khoảng 02 chỉ, 01 dây chuyền 04 chỉ); tiền hốt hụi 36.000.000đ. Đối với tài sản chung thì tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Vụ việc được hòa giải không thành nên đưa ra xét xử. Tại bản án sơ thẩm số 69/2018/HNGĐ-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân quận K đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị L với ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Văn Q cho bà Lê Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Huỳnh Văn P cho ông Huỳnh Văn T tiếp tục nuôi dưỡng. Công nhận các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà L và ông T, không ai được quyền ngăn cản và có quyền xin thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự cho rằng không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 30/8/2018 bị đơn ông Huỳnh Văn T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được nuôi 02 con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ, thẩm tra lại tại phiên tòa, nghe đương sự đôi bên trình bày, tranh luận, nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong trường hợp này là “ Tranh chấp ly hôn”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu. Nguyên đơn yêu cầu y án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm cho bị đơn được nuôi hai con chung tên: Huỳnh Văn P (Giới tính: Nam), sinh ngày 09/8/2003; Huỳnh Văn Q (Giới tính: Nam), sinh ngày 30/12/2011. Lý do để hai cháu được sống gần nhau; ông T có đủ điều kiện về kinh tế cả về môi trường sống tốt để các cháu phát triển sau này.

[2] Quan điểm của luật sư đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn cho bị đơn được nuôi hai con chung vì môi trường sống và điều kiện kinh tế ông T có nhiều thuận lợi hơn bà L.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Hai cấp xét xử và các đương sự tham dự phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Bà L đang nuôi cháu Q, có xác nhận sức khỏe, học tập bình thường; để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của hai cháu nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, ông T, bà L mỗi người trực tiếp nuôi một con chung như án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Đề nghị bác kháng cáo của bị đơn.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng: Về điều kiện thu nhập cá nhân, về đạo đức lối sống của ông T, bà L đều có đủ tư cách để nuôi dạy con chung. Tuy rằng, các đương sự có sự nghi ngờ, mất lòng tin lẫn nhau nhưng ở hai cấp xét xử chưa ai có chứng cứ để chứng minh cho điều nghi ngờ của mình là sự thật. Tuy vậy, nhưng cả hai kiên quyết xin ly hôn và đồng thuận trong việc này, do đó cấp sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn. Về tài sản, nợ chung không đương sự nào đặt ra yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông T xin được nuôi cả hai con chung: Cháu P khi cấp sơ thẩm xét xử vụ ly hôn của ông T, bà L thì cháu đã có nguyện vọng được ở với cha. Cháu Q đang ở với mẹ và đã đi học tại huyện Thới Lai, sức khỏe tốt. Để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống các cháu nghĩ nên ổn định cho nguyên đơn, bị đơn mỗi người nuôi dưỡng, chăm sóc một cháu là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Đương sự phải chịu theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tóm lại: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế và điều kiện của mỗi bên đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 4; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 273; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị L với ông Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung:

1/ Con chung: Huỳnh Văn P (Giới tính: Nam), sinh ngày 09/8/2003, đang sống với ông Huỳnh Văn T, ông T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P đến trưởng thành.

2/ Con chung: Huỳnh Văn Q (Giới tính: Nam), sinh ngày 30/12/2011, đang sống chung với bà L, bà L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q đến trưởng thành.

Các đương sự ông T, bà L không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về nợ chung: Đương sự cho là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp 300.000đ, chuyển 300.000đ bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 004652 ngày 06/12/2017 thành án phí.

- Án phí Hôn nhân phúc thẩm: Ông T phải nộp 300.000đ, chuyển 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 001751 ngày 30/8/2018 thành án phí phúc thẩm.

Bản án này là phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự; ;
- TAND Q. K;
- VKSND TP. Cần Thơ ;
- Chi cục THA Q. K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng